

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST

Ngày 01/8/2022

*“V/v: Tranh chấp xác định cha
cho con”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.
2. Ông Nguyễn Hoàng Diệu.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 421/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022, về việc: *“Tranh chấp xác định cha cho con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1982. (Có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Số 230, đường H, tổ dân phố 6, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Chỗ ở hiện nay: Số 10, đường N, tổ dân phố 6, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1975. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 230, đường H, tổ dân phố 6, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 10, đường N, tổ dân phố 6, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Vào năm 2020, bà T và ông Đỗ Văn T1 có làm đơn ra Tòa án yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung và được Tòa án thụ lý việc Hôn nhân gia đình số 50/2020/TLST-VHNGĐ, ngày 25/02/2020. Bà và ông T1

đã thỏa thuận ly hôn, con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và được Tòa án ghi nhận trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 95/2020/QĐST-VHNGĐ, ngày 06/5/2020.

Tuy nhiên, do nghi ngờ cháu Đỗ Nguyễn Chí C không phải là con của ông Đỗ Văn T1, nên bà Trâm đã đưa cháu đi Giám định ADN tại Trung tâm Công nghệ di truyền Việt Nam. Tại Phiếu kết quả xét nghiệm ADN ngày 30/6/2021 của Hội đồng khoa học trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam kết luận: “Mẫu AND ký hiệu NGUYỄN THÀNH Đ và mẫu ADN ký hiệu ĐỖ NGUYỄN CHÍ C có quan hệ huyết thống cha - con, với tần suất 99,9999911%”.

Vì vậy bà Trâm đã làm đơn đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm đề nghị hủy phần quyết định về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Đỗ Nguyễn Chí C tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 95/2020/QĐST-VHNGĐ, ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 19/4/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định tái thẩm số 02/2022/HNGĐ-TT: “Hủy Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 95/2020/QĐST-VHNGĐ, ngày 06/5/2020 về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Đỗ Nguyễn Chí C để giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật”.

Thực tế, bà Trâm và ông Nguyễn Thành Đ đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T2, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ngày 25/6/2021, hiện bà Trâm cùng với ông Nguyễn Thành Đ, cháu Đỗ Nguyễn Chí C đang sống cùng nhau tại địa chỉ Số 10, đường N, tổ dân phố 6, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Vì vậy, bà T có nguyện vọng là đề nghị Tòa án xác định ông Nguyễn Thành Đ và cháu Đỗ Nguyễn Chí C có quan hệ huyết thống cha - con để đảm bảo quyền lợi của cháu C và ông Đ.

* Bị đơn trong vụ án là ông Đỗ Văn T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông Thành không chấp hành các thông báo, quyết định tố tụng của Tòa án, không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập của Tòa án, không có văn bản gửi đến Tòa án nên Tòa án không ghi được lời khai của ông T1.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Đ trình bày: Ông nhất trí với lời khai của bà Nguyễn Thị Mộng T và không bổ sung gì thêm. Ông đề nghị xác định ông và cháu Đỗ Nguyễn Chí C có quan hệ huyết thống cha - con để đảm bảo quyền lợi của cháu C và ông.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Đ vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã

tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 còn bị đơn không chấp hành.

Về nội dung: Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T: Xác định cháu Đỗ Nguyễn Chí C, sinh ngày 25/6/2016 là con đẻ của ông Nguyễn Thành Đ.

Về án phí: Đương sự không phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp xác định cha cho con, bị đơn ông Đỗ Văn T1 có cư trú, sinh sống tại số 230, đường H, tổ dân phố 6, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đỗ Văn T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T1 là phù hợp Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Đỗ Văn T1 tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/8/2007. Ngày 25/6/2016, bà Nguyễn Thị Mộng T sinh con thứ 02 được làm thủ tục đăng ký khai sinh đặt tên là Đỗ Nguyễn Chí C; khai họ và tên cha là Đỗ Văn T1; Họ và tên mẹ là Nguyễn Thị Mộng T; vào sổ đăng ký khai sinh số 320, ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đầu năm 2020, do hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Đỗ Văn T1 làm đơn xin thuận tình ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 95/2020/QĐST-VHNGĐ, ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

“1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Đỗ Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Đỗ Văn T1 có hai con chung là cháu Đỗ Ngọc Anh T3 - Sinh ngày 31/12/2007 và Đỗ Nguyễn Chí C - Sinh ngày 25/6/2016.

Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Đỗ Văn T1 thỏa thuận giao hai con chung Đỗ Ngọc Anh T3 và Đỗ Nguyễn Chí C cho bà Nguyễn Thị Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Đỗ Văn T1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Ông Đỗ Văn T1 tự nguyện cấp dưỡng để nuôi cháu Đỗ Ngọc Anh T3 - Sinh ngày 30/12/2007, mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/01 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi cháu Đỗ Ngọc Anh T3 đủ 18 tuổi.

Ông Đỗ Văn T1 tự nguyện cấp dưỡng để nuôi cháu Đỗ Nguyễn Chí C - Sinh ngày 25/6/2016, mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/01 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi cháu Đỗ Nguyễn Chí C đủ 18 tuổi.”

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Nguyễn Thành Đ đã tiến hành làm thủ tục xét nghiệm ADN để xác định quan hệ huyết thống cha con giữa ông Nguyễn Thành Đ và cháu Đỗ Nguyễn Chí C. Tại Phiếu kết quả xét nghiệm ADN, ngày 30/6/2021 của Trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam, trụ sở: Số 66 Trần Cao Vân, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Thành Đ và mẫu ADN ký hiệu Đỗ Nguyễn Chí C có quan hệ huyết thống cha - con, với tần suất 99,9999911%. Trên cơ sở kết quả xét nghiệm nói trên, bà Nguyễn Thị Mộng T có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm, hủy Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên “về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung” đối với cháu Đỗ Nguyễn Chí C, sinh ngày 25/6/2016.

Tại Quyết định tái thẩm số 02/2022/HNGĐ-TT, ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã Hủy quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 95/2020/QĐST-VHNGĐ ngày 06/5/2020 “Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung” đối với cháu Đỗ Nguyễn Chí C để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn trong vụ án là ông Đỗ Văn T1 không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cũng không cung cấp ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không ghi được ý kiến của ông Đỗ Văn T1. Do đó, Tòa án không thực hiện được việc giám định ADN giữa ông Đỗ Văn T1 và cháu Đỗ Nguyễn Chí C. Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự tại Tòa án, Phiếu kết quả xét nghiệm ADN, ngày 30/6/2021 (Theo Giấy đề nghị phân tích ADN số F6851 tại VP thu mẫu Đắk Lắk) của Trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam. Do đó, Tòa án đã có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Thành Đ và cháu Đỗ Nguyễn Chí C có quan hệ huyết thống cha con, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Các đương sự không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 233; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T.

- Xác định ông Nguyễn Thành Đ (sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 10, đường N, tổ dân phố 6, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) và cháu Đỗ Nguyễn Chí C, sinh ngày 25/6/2016 (là con của bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1982; Nơi đăng ký HKTT: Số 230, đường H, tổ dân phố 6, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Số 10, đường N, tổ dân phố 6, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) có quan hệ huyết thống cha con.

- Ông Nguyễn Thành Đ có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch, các bên trong quan hệ xác định cha, mẹ, con có liên quan theo quy định của pháp luật về tổ tụng dân sự.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Các bên đương sự không phải nộp.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Loan